

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CHÂU THÀNH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH SÓC TRĂNG

Bản án số: **10/2020/HNGĐ – ST**

Ngày: 01/7/2020

“V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Kim Sa Pha**

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông **Lâm Ngọc Hà**

- Ông **Nguyễn Văn Ngự**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Cẩm Vân** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà **Huỳnh Mộng Kiều** – Kiểm sát viên.

TRg ngày 01 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 12/2020/TLST – HNGĐ ngày 16/01/2020; Về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2020/QĐST – HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2020/QĐST – HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lý Thị R. Địa chỉ: ấp C, xã N, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Dương Minh H. Địa chỉ: ấp A, xã H, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 09 năm 2019, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Lý Thị R trình bày:*

Chị R với anh Dương Minh H cưới nhau năm 2003, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Mỹ Tú (nay là huyện Châu Thành), tỉnh Sóc Trăng, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 26 – Quyền số 01/2003 ngày 14/02/2003. Sau khi cưới, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc bên gia đình anh H và có với nhau 01 con chung tên Dương Tiểu Q, sinh ngày 28/11/2004. Tuy nhiên, sau khi chị sinh con thì anh H đi làm và có người phụ nữ khác bên ngoài, không quan tâm đến chị và con, làm

ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng, làm chị bị tổn thương về tình cảm, không còn niềm tin vào anh H nên chị dẫn con về nhà cha, mẹ ruột ở sinh sống cho đến nay. Chị với anh H đã ly thân hơn 15 năm, trong thời gian vợ chồng sống ly thân thì anh H cũng không quan tâm đến chị và con, không hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Nay chị Lý Thị R yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết được ly hôn với anh Dương Minh H theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Chị R yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con chung cháu Dương Tiểu Q, sinh ngày 28/11/2004 sau khi ly hôn. Không yêu cầu anh Dương Minh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Dương Minh H được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng không có ý kiến trả lời cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lý Thị R và cũng như vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra, giao nộp, công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử sơ thẩm.

** Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tRg quá trình giải quyết vụ án; Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, còn bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lý Thị R đối với anh Dương Minh H, cho chị R được ly hôn với anh H theo quy định của pháp luật, còn con chung cháu Dương Tiểu Q giao cho chị R tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành sau khi ly hôn, không đặt ra xem xét đối với việc cấp dưỡng nuôi con do nguyên đơn không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung không có, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tRg hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt bị đơn anh Dương Minh H. Xét thấy, anh Dương Minh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh Dương Minh H theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Lý Thị R với anh Dương Minh H cưới nhau năm 2003, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Mỹ Tú (nay là huyện Châu Thành), tỉnh Sóc Trăng, được cấp giấy

chứng nhận kết hôn số 26 – Quyền số 01/2003 ngày 14/02/2003. Sau khi cưới, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc bên gia đình anh H. Theo chị R trình bày, đến năm 2004 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do anh H có người phụ nữ khác bên ngoài, không quan tâm đến chị và con, làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng nên chị dẫn con về nhà cha, mẹ ruột ở sinh sống cho đến nay, chị R với anh H đã ly thân hơn 15 năm, không hàn gắn lại tình cảm vợ chồng để tiếp tục chung sống với nhau, chị R xác định không còn tình cảm với anh H nên nộp đơn xin ly hôn. Từ đó các bên phát sinh tranh chấp.

[3] Về hôn nhân: Chị Lý Thị R với anh Dương Minh H cưới nhau năm 2003, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Mỹ Tú (nay là huyện Châu Thành), tỉnh Sóc Trăng, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 26 – Quyền số 01/2003 ngày 14/02/2003 nên quan hệ hôn nhân giữa chị R với anh H là hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ khi có phát sinh tranh chấp. Xét thấy, đến thời điểm hiện nay mâu thuẫn hôn nhân giữa chị R với anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, giữa chị R với anh H đã ly thân hơn 15 năm, trong thời gian sống ly thân không hàn gắn lại được tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để tạo điều kiện cho các đương sự hàn gắn lại tình cảm vợ chồng với nhau nhưng không tiến hành hòa giải được do bị đơn đều vắng mặt. Tại phiên tòa, chị R khẳng định không còn tình cảm với anh H, cương quyết xin ly hôn, chị R cho rằng hiện nay anh H đã chung sống với người phụ nữ khác như vợ chồng và đã có con, cũng như hiện nay chị cũng đã chung sống với người đàn ông khác như vợ chồng, đã có con riêng, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lý Thị R đối với anh Dương Minh H.

[4] Về con chung: Chị R với anh H có 01 con chung tên Dương Tiểu Q, sinh ngày 28/11/2004, hiện cháu Q đang được chị R trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 26/02/2020 của cháu Q có nguyện vọng được tiếp tục ở với chị R. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H cũng không có ý kiến phản đối với yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con của chị R nên được Hội đồng xét xử ghi nhận nguyện vọng của cháu Quyên được tiếp tục chung sống với chị R, nhằm đảm bảo sự ổn định chỗ ở, tâm lý và học tập của cháu Quyên, thống nhất giao con chung cháu Dương Tiểu Quyên cho chị R tiếp tục nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp với điều kiện thực tế và theo quy định của pháp luật.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Do chị R không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chị Lý Thị R phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định là 300.000 đồng.

[7] Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay về thủ tục tố tụng và nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1, 3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng: Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Chị Lý Thị R được ly hôn với anh Dương Minh H.

2/ Về con chung: Giao cháu Dương Tiểu Q, sinh ngày 28/11/2004 cho chị Lý Thị R tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Anh Dương Minh H được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Lý Thị R không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lý Thị R phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001240 ngày 12/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, chị R đã nộp xong.

5/ Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn anh Dương Minh H vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

6/ Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Châu Thành;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã An Ninh;
- Lưu hồ sơ.

Kim Sa Pha